
PHÂN RÃ TĂNG TRƯỞNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2000 – 2019 THEO GÓC ĐỘ SO SÁNH

Bùi Thùy Linh*

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: thuylinhvc2@yahoo.com

Hồ Đình Bảo

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hodingbao@yahoo.com

Mã bài: JED-2205

Ngày nhận: 10/01/2025

Ngày nhận bản sửa: 07/03/2025

Ngày duyệt đăng: 18/03/2025

DOI: 10.33301/JED.VI.2205

Tóm tắt:

Nghiên cứu sử dụng phương pháp Shift Share Analysis (SSA) để đánh giá đóng góp của các phần: thay đổi năng suất lao động ngành và thay đổi tỷ trọng lao động ngành vào tăng trưởng năng suất lao động của 22 nước đang phát triển giai đoạn 2000- 2019. Kết quả cho thấy cơ cấu lao động các nước có sự thay đổi tích cực, lao động chuyển từ ngành nông- lâm- thủy sản sang dịch vụ và một phần sang công nghiệp- xây dựng với các nước tăng trưởng năng suất lao động cao. Công nghiệp là ngành có năng suất lao động cao nhất. Ở các nước tăng trưởng cao, hiệu ứng nội ngành giữ vai trò nòng cốt, hiệu ứng cơ cấu như một bộ đỡ cho tăng trưởng. Tăng trưởng do đóng góp chủ yếu của ngành dịch vụ rồi đến công nghiệp- xây dựng. Ở nước tăng trưởng thấp, chuyển dịch cơ cấu là động lực chính, nhưng vai trò quá nhỏ, không thể bù đắp sự suy giảm mạnh mẽ của năng suất lao động nội ngành. Ngành dịch vụ và công nghiệp không thể hiện được vai trò. Kết quả nghiên cứu cũng hàm ý một số chính sách mà chính phủ các nước cần chú ý để thúc đẩy tăng trưởng năng suất lao động.

Từ khóa: Tăng trưởng năng suất lao động, phương pháp SSA, động cơ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu lao động.

Mã JEL: O1, O4, J24.

Decomposition of labor productivity growth of developing countries from 2000 – 2019 from a comparative perspective

Abstract:

The study uses the Shift Share Analysis (SSA) method to evaluate the contributions of the components of changes in sector labor productivity and changes in sector labor proportion to the labor productivity growth of 22 developing countries during the period 2000-2019. The results reveal that there has been a positive shift in labor structure across these countries, with labor shifting from the agriculture, forestry, and fisheries sectors to services and partially to industry-construction in countries with high labor productivity growth. Among all sectors, industry demonstrates the highest labor productivity. In high-growth countries, the intra-industry effect plays a core role, with structural effects serving as a support for growth. Growth is primarily driven by the contributions from the services sector, followed by industry-construction. In low-growth countries, structural shifts are the main drivers, but their role is too small to compensate for the strong decline in intra-industry labor productivity. The service and industry-construction sectors do not demonstrate significant roles. The findings suggest several policy implications that governments of these countries should consider to promote labor productivity growth.

Keywords: Labor productivity growth, SSA method, growth drivers, labor structural shift

Mã JEL: O1, O4, J24

1. Giới thiệu

Năng suất lao động (NSLĐ) là chỉ tiêu kinh tế quan trọng thể hiện trình độ phát triển cũng như năng lực cạnh tranh của một nền kinh tế. Tăng năng suất lao động là mục tiêu hàng đầu mà các nước trên thế giới đều hướng đến cho dù đang ở trình độ phát triển nào. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế “Tăng năng suất cũng là động lực chính của quá trình bất kịp, giúp các nước đang phát triển có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn có thể đạt được mức thu nhập bình quân đầu người như các nước tiên tiến” (ILO, 2022). Vì thế, chính phủ các nước muốn nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống người dân thì cần có biện pháp thúc đẩy tăng trưởng năng suất. Việc thu hẹp khoảng cách tương đối về năng suất lao động bình quân với các nước trình độ phát triển cao hơn là chìa khóa quan trọng để nước đang phát triển đạt được mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, bất kịp trình độ phát triển với các nước trong khu vực và trên toàn cầu. Kinh tế thế giới chứng kiến không ít tấm gương các nước đang phát triển đã đạt được sự đột phá về tăng trưởng năng suất lao động, nhưng bên cạnh đó cũng có nhiều nước bị tụt hậu, thể hiện sự trì trệ năng suất. Với các nước đã đạt tăng trưởng cao thì thách thức chính với nhóm này là duy trì tốc độ tăng trưởng cao một cách bền vững để thúc đẩy phát triển kinh tế và tránh nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Với các nước bị trì trệ năng suất thì cần tìm ra nguyên nhân thất bại và biện pháp để có thể thúc đẩy tăng trưởng. Trước tình hình đó, nghiên cứu tăng trưởng năng suất lao động của các nước đang phát triển là thực sự cần thiết. Việc tìm hiểu các nguồn tăng trưởng năng suất lao động các nước sẽ giúp chỉ ra cách thức đạt được tăng trưởng của nước đó. Nhờ vậy, nhà hoạch định có thể đánh giá và đưa ra những chính sách chuyển đổi cơ cấu hiệu quả, cũng như những chính sách để tạo tăng trưởng năng suất trong các ngành tương ứng từng giai đoạn phát triển mỗi nước nhằm đạt mục tiêu kinh tế xã hội.

Nghiên cứu này tập trung phân tích và so sánh các bộ phận của tăng trưởng năng suất lao động của hai nhóm nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng năng suất lao động nhanh và chậm. Để làm rõ vấn đề này, nội dung của bài viết hướng tới hai nhiệm vụ: (i) Đánh giá và so sánh thực trạng tăng trưởng năng suất lao động của hai nhóm nước trong giai đoạn 2000 – 2019; (ii) Thực hiện phân rã để xác định và so sánh các thành phần của tăng trưởng năng suất lao động của hai nhóm nước.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Khi phân tích tăng trưởng năng suất lao động, các nhà nghiên cứu có thể tiếp cận dưới các góc độ khác nhau. Theo góc độ đóng góp của các nhân tố đầu vào sản xuất cho rằng tăng trưởng năng suất là sử dụng đầu vào có hiệu quả. Các yếu tố này là vốn, công nghệ, nhân tố xã hội và thể chế (Adam Smith, 1976), vốn (Ricardo, 1817), vốn và quy mô lao động (Harrod, 1939; Domar, 1946), tiến bộ công nghệ (Solow Swan, 1956), nguồn nhân lực chất lượng cao (Lucas, 1988; Romer, 1990), thể chế (North, 1990). Theo quan điểm tăng trưởng năng suất dựa trên cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu theo hướng nâng cao hiệu quả, tăng trưởng năng suất lao động được phân rã thành: Tăng trưởng năng suất lao động các ngành và chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành. Quá trình phân bổ lại nguồn lực giữa các ngành sẽ làm thay đổi đầu ra của ngành, từ đó làm thay đổi năng suất tổng thể. Lý thuyết cổ điển của Kuznets (1930), Fabricant (1942) nghiên cứu ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu với tăng trưởng năng suất ở các nước đang trong quá trình công nghiệp hóa. Lý thuyết của Lewis (1954), Fei & Ranis (1964) nghiên cứu tăng trưởng năng suất ở các nước nghèo. Các lý thuyết đều cho rằng, trong những giai đoạn đầu của quá trình phát triển, bất kỳ sự tăng trưởng thêm nào trong nền kinh tế đều do phân bổ lại lao động từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ năng suất cao. Chỉ những giai đoạn phát triển sau, tích lũy yếu tố sản xuất và thay đổi công nghệ mới bắt đầu góp phần tạo ra tăng trưởng cao hơn.

SSA là phương pháp khá phổ biến để phân tách các thành phần đóng góp vào tăng trưởng kinh tế cũng như tăng trưởng năng suất lao động. Anders Isaksson (2010) sử dụng phương pháp này để tính toán đóng góp của tái phân bổ nguồn lực giữa các ngành vào tăng trưởng năng suất tổng thể của 34 nước. Do dữ liệu không đủ và khá rời rạc nên tác giả phân tách tăng trưởng năng suất tổng thể thành các bộ phận theo các phương pháp luận không thống nhất. Kết quả cho thấy hiệu ứng nội ngành chiếm ưu thế so với thay đổi cơ cấu, chỉ với nền kinh tế chuyển đổi, việc tái phân bổ có ý nghĩa hơn. Theo tác giả, với các nước đang phát triển, hiệu ứng cơ cấu thậm chí đóng góp rất ít cho tăng trưởng và tái phân bổ nguồn lực trong ngành thường dễ hơn giữa các ngành. McMillan & cộng sự (2014) phân tích năng suất lao động của 38 nước với dữ liệu khá cũ từ năm 1990- 2005. Tác giả chỉ ra sự chênh lệch năng suất lao động là động lực cho phát triển kinh tế. Dòng lao động từ hoạt động có năng suất thấp sang hoạt động năng suất cao tạo ra tăng trưởng. Điều

này được thấy rõ ở các nước ở châu Á tiếp tục trải qua sự thay đổi cơ cấu nhanh chóng, nâng cao năng suất. Ngược lại, các nước châu Phi và châu Mỹ La Tinh lại thay đổi cơ cấu làm giảm năng suất. Do một số lao động chuyển sang không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn và kỹ năng. Tuy nhiên, sau năm 2000, thay đổi cơ cấu lại đóng góp tích cực vào tăng trưởng. Ngoài ra, khoảng cách năng suất các ngành ở các nước đang phát triển lớn hơn các nước có thu nhập cao và giảm dần khi tăng trưởng kinh tế bền vững. Anders Isaksson và McMillan phân rã tăng trưởng năng suất lao động thành hai bộ phận, cho thấy nhiều sự khác biệt về vai trò của chuyển đổi cơ cấu với các nước đang phát triển. Thay đổi cơ cấu phải chăng không phải lúc nào cũng có ý nghĩa tích cực với các nước đang phát triển và mức độ ảnh hưởng của nó sẽ có thể thay đổi tùy theo bối cảnh. Việc phân tách tăng trưởng thành hai bộ phận dễ gây ra sự nhầm lẫn giữa các khía cạnh khác nhau của thay đổi cơ cấu trong phân tích. Pawel Dobrzanski (2019) nghiên cứu tăng trưởng năng suất lao động ở Séc giai đoạn 1996-2009. Tác giả phân biệt tăng trưởng năng suất lao động thuần túy và tăng trưởng năng suất lao động cơ cấu. Séc đã cải thiện được cả hai loại tăng trưởng này nhờ thay đổi và hiện đại hóa cơ cấu kinh tế, tuy nhiên, tác động của năng suất lao động thuần túy nhỏ hơn nhiều so với năng suất cơ cấu. Năng suất tăng ở mọi lĩnh vực, đặc biệt ở một số ngành dịch vụ. Việc làm giảm nhiều nhất ở ngành có năng suất thấp nhất, là nông, lâm, ngư nghiệp. Tổ chức năng suất Châu Á APO (2023) tìm hiểu các xu hướng năng suất tổng hợp và tiến trình chuyển đổi cơ cấu ở 11 nước châu Á có thu nhập trung bình thấp giai đoạn 1970–2019. Nghiên cứu đã chứng minh sự khác biệt đáng kể về mức độ và tốc độ tăng trưởng năng suất các nước. Sử dụng phương pháp SSA theo từng nước, nghiên cứu chỉ ra thành phần nội bộ ngành có ảnh hưởng lớn hơn đến tăng trưởng, làm lu mờ tác động của thay đổi cơ cấu. Hơn nữa, có sự khác biệt giữa các nước trong đóng góp của các ngành vào tăng trưởng năng suất chung. Nghiên cứu thừa nhận vai trò của khu vực công nghiệp và dịch vụ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, tuy nhiên, công nghiệp có vai trò quan trọng hơn vì công nghiệp thường có năng suất lao động cao hơn.

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu cũng sử dụng SSA để phân tích tăng trưởng năng suất lao động. Huỳnh Ngọc Chương (2016) phân tích năng suất lao động Việt Nam giai đoạn 1990 - 2014, cho thấy hiệu ứng nội ngành có vai trò quan trọng. Những năm về sau, chất lượng tăng trưởng thấp và khuyến nghị cải thiện bằng cách tăng cường độ sâu vốn và công nghệ. Vũ Thị Thu Hương (2017) phân tích tăng trưởng năng suất lao động Việt Nam theo 9 ngành giai đoạn 1995– 2013. Kết quả cho thấy chuyển dịch cơ cấu lao động đóng góp hàng năm trên 40% vào tăng trưởng năng suất lao động tổng thể. Mức đóng góp các ngành cũng khác nhau. Vũ Hoàng Ngân & cộng sự (2017) cho rằng động lực cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng năng suất lao động Việt Nam thời kỳ 1997-2005 là dịch chuyển lao động từ ngành có năng suất thấp sang ngành có năng suất cao; thời kỳ 2006-2016 là gia tăng năng suất lao động các ngành. Trần Thị Thu Huyền (2021) chỉ ra chuyển dịch cơ cấu lao động có ảnh hưởng tích cực nhưng chuyển dịch cơ cấu sản lượng ảnh hưởng bất lợi với tăng trưởng năng suất lao động Việt Nam. Tổng quan cho thấy, ở Việt Nam, có ít nghiên cứu tính toán cho tăng trưởng năng suất lao động của các nước trên thế giới. Việc tính toán và so sánh cho các nước giúp nhà hoạch định chính sách xác định các nguồn tăng trưởng năng suất lao động trong các thời kì của nền kinh tế, để có biện pháp củng cố các lĩnh vực hoạt động tốt và cần được ưu tiên, cũng như xác định các lĩnh vực đang bị tụt hậu và cần chú ý.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đo lường

Năng suất lao động được tính toán dựa trên chỉ số về GDP trên mỗi lao động hay bằng cách chia GDP cho tổng số người có việc làm trong một khoảng thời gian nhất định, có thể là một năm. Năng suất lao động còn được tính cho các khu vực kinh tế hoặc theo ngành (ILO, 2022). Thước đo tăng trưởng năng suất lao động là tốc độ tăng trưởng năng suất lao động của một giai đoạn nghiên cứu, là tỷ lệ giữa mức tăng năng suất lao động giữa hai kì nghiên cứu trên năng suất lao động kỳ gốc.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp, so sánh, thống kê mô tả nhằm xác định các chỉ tiêu về cơ cấu lao động, năng suất lao động, tăng trưởng năng suất lao động và so sánh kết quả của các nước theo thời gian. Bên cạnh đó, để tách các bộ phận của tăng trưởng năng suất lao động, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân rã (SSA), là phương pháp phân tích tăng trưởng của một biến số kinh tế trong một khu vực thành nhiều thành phần do Fabricant (1942) khởi xướng. Sau này, SSA được các học giả nghiên cứu mở rộng để khai thác các khía cạnh khác nhau (Esteban-Marquillas, 1972; Barff & Knight, 1988; Nazara & Hewings, 2004). Có nhiều biến thể của SSA được áp dụng để hiểu rõ hơn về thay đổi cơ cấu và tác động của chúng với tăng trưởng kinh

tế. Điểm khác biệt nằm ở việc lựa chọn năm cơ sở hoặc trọng số. Trong bài, tác giả sử dụng phương pháp SSA của Fabricant và được chi tiết hóa bởi Ark (1995). Phương pháp này giúp lượng hóa tác động trực tiếp của chuyển dịch cơ cấu tới tăng trưởng năng suất lao động. Lợi ích chính của nó là quy trình tính toán đơn giản, chỉ yêu cầu lượng dữ liệu tương đối khiêm tốn, giúp kết quả nhanh chóng và chính xác. Dù đơn giản nhưng phương pháp này giúp nắm bắt tốt những thay đổi trong các biến được xem xét theo thời gian với khả năng phân tích khá lớn. Phương pháp này chỉ ra thành phần thúc đẩy hay kéo lùi tăng trưởng và bộ phận nào là thành phần chính đóng góp vào tăng trưởng. Tăng trưởng năng suất lao động được phân tách thành:

$$\frac{LP^{t+k} - LP^t}{LP^t} = \frac{\sum_1^n S_i^t x(LP_i^{t+k} - LP_i^t)}{LP^t} + \frac{\sum_1^n LP_i^t x(S_i^{t+k} - S_i^t)}{LP^t} + \frac{\sum_1^n (LP_i^{t+k} - LP_i^t) x(S_i^{t+k} - S_i^t)}{LP^t}$$

Trong đó:

LP^t và LP^{t+k} : năng suất lao động năm (t) và (t+k)

LP_i^t và LP_i^{t+k} : năng suất lao động ngành i năm (t) và (t+k)

S_i^t và S_i^{t+k} : Tỷ trọng lao động làm việc ngành i năm (t) và (t+k)

3 thành phần thể hiện cho 3 hiệu ứng tác động đến tăng trưởng tổng thể. Khi một hiệu ứng mang dấu dương biểu thị sự thay đổi của nhân tố trong hiệu ứng đã góp phần tạo ra tăng trưởng và ngược lại. Hiệu ứng mang dấu dương và có giá trị lớn nhất là yếu tố đóng góp chính vào tăng trưởng năng suất lao động thời kì đó.

Thành phần thứ nhất cho biết đóng góp của thay đổi năng suất lao động các ngành vào năng suất lao động bình quân cả nền kinh tế trong điều kiện không có chuyển dịch cơ cấu hay gọi là “hiệu ứng nội ngành”. Thành phần thứ hai thể hiện đóng góp của thay đổi tỷ trọng lao động các ngành trong thời kỳ nghiên cứu. Đây là ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng năng suất hay gọi là “hiệu ứng cơ cấu”. Khi “hiệu ứng cơ cấu” dương, tức chuyển dịch cơ cấu làm tăng năng suất lao động. Điều này xảy ra khi lao động được chuyển từ ngành có năng suất thấp sang ngành có năng suất lao động cao hơn. Thành phần thứ ba là ảnh hưởng tương tác giữa thay đổi năng suất lao động các ngành và thay đổi tỷ trọng các ngành tới tăng trưởng năng suất lao động của cả nền kinh tế, gọi là “hiệu ứng tương tác”. Hiệu ứng này tạo ra khi một ngành vừa tăng được cả năng suất lao động và tỷ trọng lao động và ngược lại. Một số tác giả gộp hai hiệu ứng cơ cấu và hiệu ứng tương tác thành một, thể hiện cho thay đổi cấu trúc. Tuy nhiên, sẽ rất hữu ích để phân biệt hai tác động này, vì chỉ có hiệu ứng cơ cấu đại diện cho sự dịch chuyển lao động từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao, mặc dù hiệu ứng tương tác cũng bao gồm yếu tố “thay đổi cơ cấu”. Vì vậy, tác giả sử dụng phương pháp này vì ưu điểm và sự phù hợp của nó trong phân tích tăng trưởng năng suất lao động các nước.

3.2. Thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu về các chỉ số phát triển thế giới của Ngân hàng Thế giới (WDI) để phân tích thực trạng tăng trưởng và các bộ phận của tăng trưởng năng suất lao động của các nước đang phát triển giai đoạn 2000 - 2019. Các nền kinh tế được phân thành 3 ngành: Công nghiệp – Xây dựng (gọi tắt là Công nghiệp), Dịch vụ, Nông – Lâm – Thủy sản (gọi tắt là Nông nghiệp). Sau khi tính toán với dữ liệu của các nước trên thế giới (Theo giá cố định 2015), tác giả lọc và phân loại các nước đang phát triển thành hai nhóm có tăng trưởng năng suất lao động cao và thấp nhất. Mẫu nghiên cứu gồm 22 nước (Danh sách phân loại của IMF năm 2019). Nhóm 1 là 11 nước có tăng trưởng năng suất lao động thấp. Nhóm 2 là 11 nước có tăng trưởng năng suất lao động cao. Danh sách các nước được liệt kê ở Bảng 1.

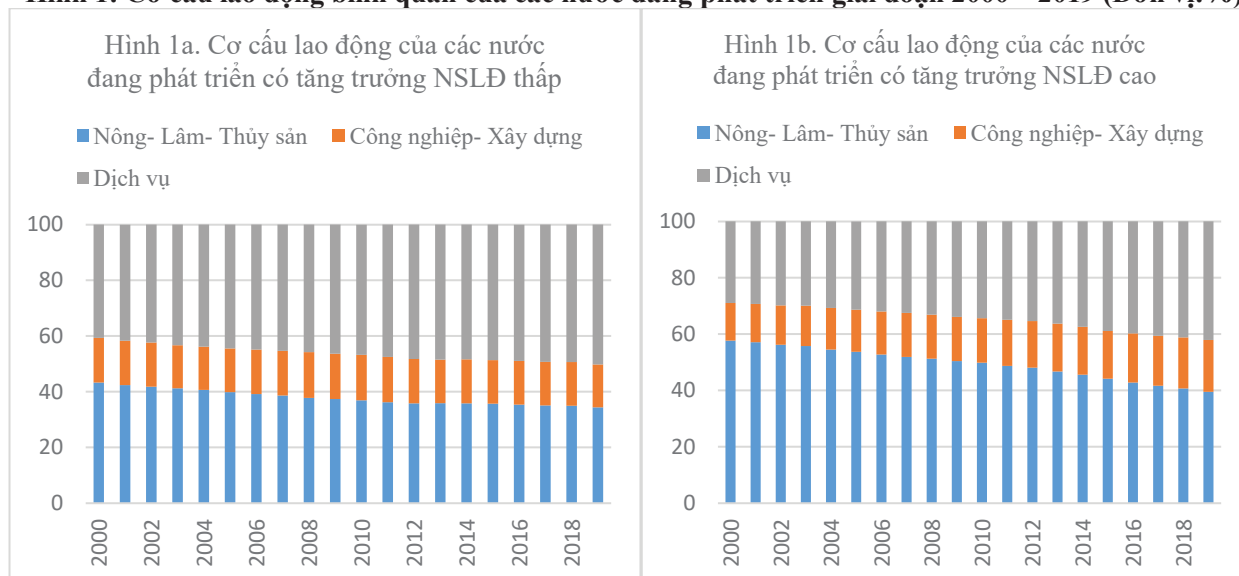
4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Phân tích mô tả

4.1.1. Cơ cấu lao động bình quân của các nước đang phát triển giai đoạn từ năm 2000 – 2019

Hình 1 cho thấy có một thay đổi lớn của các nước trong giai đoạn này, đó là sự dịch chuyển cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang ngành dịch vụ. Với các nước tăng trưởng thấp, năm 2000, lao động nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 43%. Ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng tương đương khoảng 41%, ngành công nghiệp xấp xỉ 16%. Theo thời gian, tỷ trọng lao động nông nghiệp có xu hướng giảm, đến năm 2019 còn 34%. Tỷ trọng lao động công nghiệp tương đối ổn định. Lao động ngành dịch vụ tăng dần và là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất năm 2019, đạt khoảng 50%. Với các nước tăng trưởng cao, có sự dịch chuyển cơ cấu lao động mạnh mẽ từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm khá mạnh

Hình 1: Cơ cấu lao động bình quân của các nước đang phát triển giai đoạn 2000 – 2019 (Đơn vị:%)

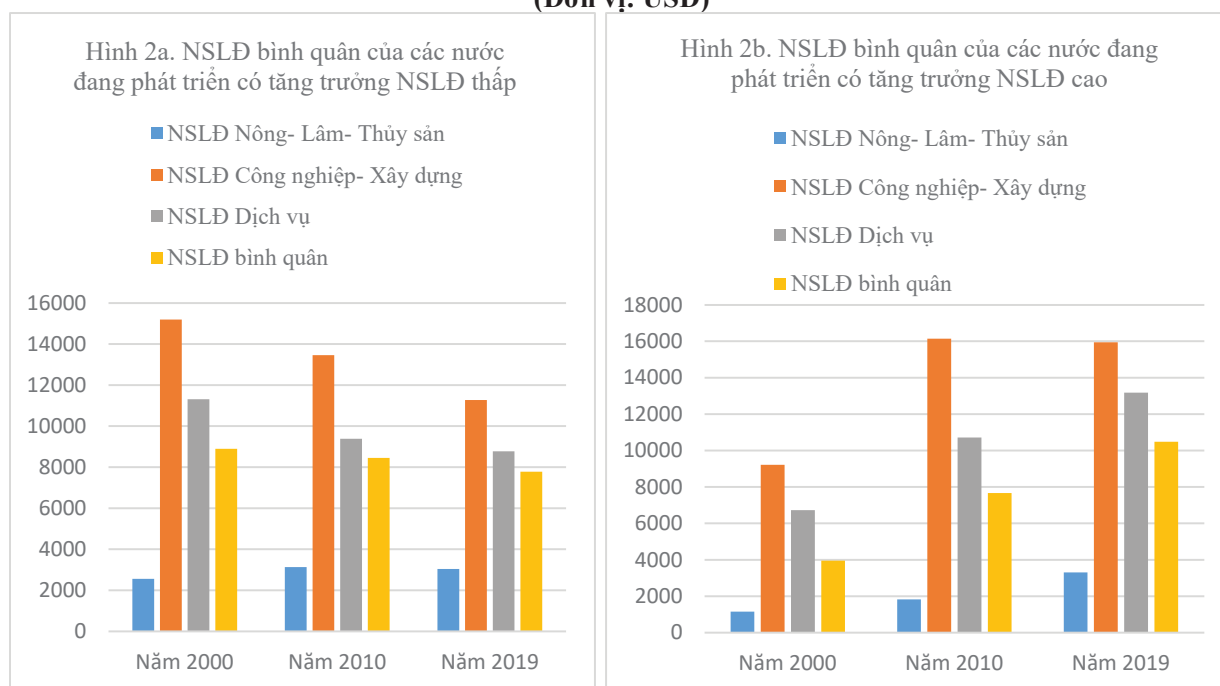


Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu WDI

từ khoảng 58% năm 2000, xuống 40% năm 2019, thay vào đó là sự chuyển biến vươn lên của ngành dịch vụ. Lao động dịch vụ tăng mạnh với khoảng 29% năm 2000 lên hơn 42% năm 2019. Trong 20 năm, chênh lệch tỷ trọng lao động của nông nghiệp và dịch vụ gần như được san bằng. Tỷ trọng lao động công nghiệp có những chuyển biến tích cực, tăng từ 13,4% năm 2000 lên hơn 18% năm 2019.

Trong giai đoạn này, cơ cấu lao động cả hai nhóm thay đổi từ nông nghiệp- dịch vụ- công nghiệp sang dịch vụ- nông nghiệp- công nghiệp. Năm 2000, tỷ lệ lao động nông nghiệp ở các nước rất cao. Đây là ngành chính, đóng góp lớn cho GDP và việc làm. Tiếp đến là ngành dịch vụ: bán lẻ, giáo dục, y tế, du lịch và tài chính. Ngành công nghiệp có tỷ trọng lao động thấp nhất, thường tập trung vào sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may, chế biến thực phẩm và khai thác tài nguyên. Năm 2019, có sự dịch chuyển lao động sang khu vực

Hình 2: Năng suất lao động bình quân các nước đang phát triển giai đoạn 2000 – 2019 (Đơn vị: USD)



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu WDI

năng suất cao. Cụ thể, ở các nước tăng trưởng thấp, lao động chuyển từ nông nghiệp sang dịch vụ. Ở các nước tăng trưởng cao, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm nhiều hơn và chuyển dịch mạnh mẽ sang ngành dịch vụ và một phần sang công nghiệp. Cũng theo ILO (2014), các nước có xu hướng dịch chuyển lao động từ nông nghiệp và ngành dịch vụ truyền thống sang công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành dịch vụ hiện đại.

4.1.2. Năng suất lao động bình quân các nước đang phát triển giai đoạn từ năm 2000 – 2019

Hình 2 cho thấy ở hai nhóm, công nghiệp luôn là ngành có năng suất lao động cao nhất, tiếp đến là dịch vụ và cuối cùng là nông nghiệp. Kết quả này tương tự APO (2023).

11 nước tăng trưởng thấp có sự sụt giảm năng suất lao động bình quân, từ 8898 USD năm 2000 xuống 7775 USD năm 2019 (giảm 12,6%). Trong đó, năng suất lao động ngành nông nghiệp có xu hướng tăng dần nhưng không nhiều (tăng 19%), năng suất lao động ngành công nghiệp giảm nhiều nhất (giảm 25,8%) và năng suất lao động ngành dịch vụ giảm đáng kể (giảm 22,4%). Từ tổng quan, các yếu tố tác động đến tăng trưởng năng suất lao động là: công nghệ, vốn con người, vốn đầu tư, thể chế chính sách... Bên cạnh đó, một số trở ngại đặc biệt ở một số nước như biến đổi khí hậu, bất ổn về kinh tế, chính trị hay phụ thuộc quá nhiều vào việc xuất khẩu dầu mỏ... cũng là những mối đe dọa đến tăng trưởng năng suất. Thực trạng cho thấy các nước cần phải xem xét lại những vấn đề này ở nước mình.

Ngược lại, các nước tăng trưởng cao có năng suất lao động tổng hợp và năng suất lao động ngành đều tăng đáng kể. năng suất lao động bình quân tăng từ 3954 USD năm 2000 lên 10485 USD năm 2019 (tăng 165%). Trung Quốc, Azerbaijan, Armenia,... có sự nỗ lực lớn trong việc thúc đẩy năng suất trong cả nền kinh tế. Kết quả này thể hiện sự thành công và rất đáng ghi nhận trong nỗ lực phấn đấu nâng cao năng suất lao động các nước. Các nước nhóm này đã đạt được “hiệu ứng bất kịp”, với xuất phát điểm năng suất lao động

Bảng 1: Phân rã tăng trưởng năng suất lao động bình quân các nước đang phát triển giai đoạn 2000 – 2019

Nhóm nước	Nước	Hiệu ứng nội ngành (điểm%)	Hiệu ứng cơ cấu (điểm%)	Hiệu ứng tương tác (điểm%)	Tăng trưởng NSLĐ BQ (%)
Các nước có tăng trưởng năng suất lao động thấp nhất	Burundi	-4,002	1,707	-0,084	-2,379
	Syria	-1,133	-0,673	-0,326	-2,133
	Belize	-1,939	0,270	-0,083	-1,752
	Gabon	-2,588	1,432	-0,061	-1,217
	Madagascar	-1,627	1,227	-0,409	-0,809
	Sudan	-1,080	0,319	-0,008	-0,770
	Jamaica	-0,889	0,199	-0,013	-0,703
	Cộng hòa Congo	-1,009	0,450	0,035	-0,524
	Mexico	-0,488	0,148	-0,018	-0,358
	Haiti	-0,686	0,333	0,001	-0,352
	Saint Lucia	-1,066	0,823	-0,093	-0,336
Các nước có tăng trưởng năng suất lao động cao nhất	Trung Quốc	7,066	1,540	0,072	8,678
	Azerbaijan	6,164	0,787	-0,014	6,937
	Armenia	6,333	0,523	0,059	6,916
	Tajikistan	4,915	0,815	0,038	5,768
	Romania	3,901	1,605	-0,009	5,497
	Ethiopia	4,691	0,760	-0,029	5,422
	Rwanda	0,284	5,162	-0,383	5,062
	Kazakhstan	3,790	1,225	-0,011	5,005
	Bhutan	2,712	2,776	-0,776	4,711
	Ấn Độ	3,490	1,164	0,012	4,666
	Liberia	4,654	0,007	-0,023	4,638

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu WDI

thấp nhất nhưng đã đạt được tăng trưởng năng suất lao động cao nhất. Với “lợi thế của người đi sau”, các nước có cơ hội cải tiến công nghệ và học hỏi quy trình sản xuất từ các nước tiên tiến. Từ đó, họ có thể bắt kịp dần với các nước phát triển. Năng suất lao động các ngành đều tăng cao, công nghiệp (tăng 73%), dịch vụ (tăng 96%) và nông nghiệp (tăng 188%). Với công nghiệp, việc áp dụng quy trình sản xuất tự động, ứng dụng công nghệ với hệ thống quản lý chất lượng, sản xuất tinh gọn giúp tăng năng suất. Công nghiệp phát triển kéo theo phát triển nông nghiệp. Việc áp dụng công nghệ, cơ giới hóa và các phương pháp canh tác mới giúp tạo ra năng suất lao động cao trong nông nghiệp. Đồng thời, việc chuyển bớt lao động khỏi ngành nông nghiệp cũng làm sản lượng trung bình một lao động tăng. Ngành dịch vụ liên tục phát triển mạnh do đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin để cải thiện năng suất.

Mặc dù, năm 2000, với sự thua kém năng suất lao động tổng hợp và năng suất lao động các ngành, nhưng năm 2010, các nước tăng trưởng cao đã thu hẹp dần khoảng cách năng suất lao động nông nghiệp. Bên cạnh đó là sự đột phá năng suất hai ngành công nghiệp và dịch vụ, không chỉ là đuổi kịp và còn vượt qua năng suất lao động các nước tăng trưởng thấp. Sau 20 năm, các nước tăng trưởng cao đã vượt lên tất cả các ngành. năng suất lao động công nghiệp nhiều hơn 4674 USD, năng suất lao động dịch vụ nhiều hơn 4406USD và năng suất lao động nông nghiệp nhiều hơn 267 USD.

4.2. Kết quả thực nghiệm

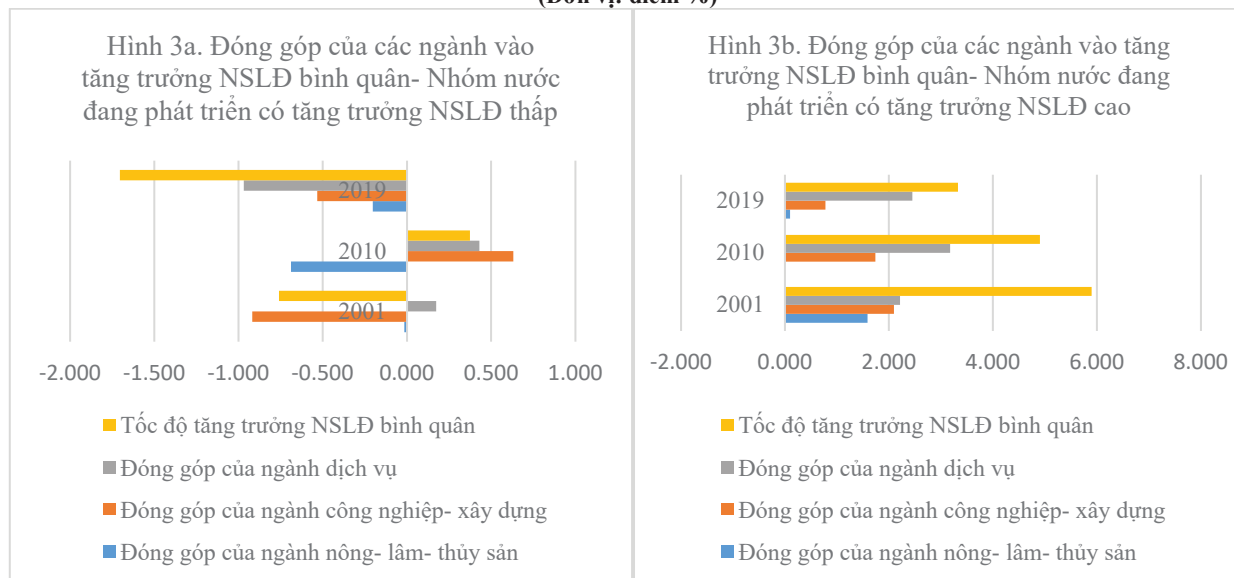
Theo Bảng 1, các nước tăng trưởng cao đạt từ 4,6% - 8,7%. Ngược lại, cả 11 nước tăng trưởng thấp thì đều đang đối mặt với tình trạng suy giảm năng suất lao động.

Về thành phần tăng trưởng, hiệu ứng nội ngành là trụ cột vững chắc tạo ra tăng trưởng ở những nước tăng trưởng cao. 10/11 nước có hiệu ứng này chiếm từ 2,7 điểm % đến 7,1 điểm %, tương ứng đóng góp từ 58% đến hơn 100%. So với hiệu ứng nội ngành, ảnh hưởng của thay đổi cơ cấu đường như khá nhỏ nhưng luôn có dấu hiệu tích cực. Kết quả này giống Anders Isaksson (2010), APO (2023). Tuy nhiên, hiệu ứng nội ngành đang lấn át hiệu ứng cơ cấu. Diễn hình là các nền kinh tế nổi bật về thành tựu bứt phá như Trung Quốc, Azerbaijan, Armenia... đạt tăng trưởng cao liên tục trong thời kì dài, do duy trì được vị thế đóng góp vượt trội của tăng năng suất lao động nội ngành. Điều này phù hợp với quy luật phát triển của các nền kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi, với mô hình tăng trưởng kết hợp chiều sâu và chiều rộng, tuy nhiên trong dài hạn thì tăng trưởng theo chiều sâu với vai trò của công nghệ và các hoạt động đổi mới, sáng tạo là lớn hơn. Khác với các nước, Rwanda lại có nguồn tăng trưởng gần như hoàn toàn phụ thuộc vào chuyển dịch cơ cấu. Là nước nông nghiệp tự cung tự cấp, kể từ năm 2000 khoảng 90% dân số Rwanda sống bằng nghề nông. Như vậy, dư địa chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp là rất lớn. Trước tình hình đó, Chính phủ Rwanda có nhiều chính sách thành công với mục tiêu chuyển đổi nền kinh tế từ nước nông nghiệp nghèo thành nước dịch vụ năng động. Với nỗ lực tạo việc làm ngoài nông nghiệp, Chính phủ nước này có nhiều chính sách cải cách toàn diện từ xây dựng lại mô hình xã hội và hệ thống tư pháp, hệ thống quản trị và hành chính công, chống tham nhũng, cải tổ môi trường kinh doanh, đầu tư khoa học công nghệ, giáo dục, đẩy mạnh xuất khẩu,... Chính phủ Rwanda chú trọng phát triển ngành chế biến, dệt may, xây dựng, năng lượng với các khu công nghiệp mới thu hút đầu tư nước ngoài và nhiều hỗ trợ doanh nghiệp. Với nỗ lực tái cấu trúc nền kinh tế, kinh tế Rwanda đã thay đổi tích cực, chuyển dịch bền vững từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ (Aubert, 2018). Qua phân tích, ta thấy nguồn tăng trưởng năng suất của các nước là khác nhau. Mức độ đóng góp của hiệu ứng nội ngành và cơ cấu có sự khác biệt. Hiệu ứng nào đóng vai trò chủ đạo có thể do mức độ công nghiệp hóa cùng với những chính sách của chính phủ. Xét hiệu ứng tương tác, hiệu ứng này là nhỏ nhất. 4/11 nước duy trì hiệu ứng tương tác dương là Trung Quốc, Armenia, Tajikistan, Ấn Độ thể hiện lao động được chuyển sang ngành có năng suất lao động và tăng trưởng cao hơn. 7/11 nước còn lại có sự chuyển dịch lao động sang ngành có năng suất lao động và tăng trưởng thấp hơn. Nguyên nhân có thể do lao động chuyển dịch không có chuyên môn nên không thể làm việc ở ngành công nghiệp, dịch vụ đòi hỏi trình độ và năng suất cao mà chỉ có thể làm trong các tiểu ngành có năng suất thấp nên không thể làm tăng năng suất lao động tổng thể. Hoặc sự di chuyển ồ ạt lao động sang ngành năng suất cao làm ngành đó tập trung quá nhiều lao động khiến sản lượng bình quân mỗi lao động giảm.

Quan sát các nước tăng trưởng thấp để thấy yếu tố kéo lùi tăng trưởng ở các nước này. Với các nước tăng trưởng năng suất lao động âm, nguyên nhân chính là do sự sụt giảm năng suất lao động các ngành, thể hiện hiệu ứng nội ngành âm. Bên cạnh đó, chuyển dịch cơ cấu là động lực chính cho tăng trưởng, tuy nhiên giá trị không đủ lớn để bù đắp hai hiệu ứng còn lại. Đặc biệt, ở nhóm này, phân bổ lao động quá nhiều lao động

vào một ngành cũng gây ra sự sụt giảm năng suất lao động, thể hiện hiệu ứng tương tác âm ở 9/11 nước. Qua đây cũng cho thấy các nước nhóm này đang theo mô hình tăng trưởng theo chiều rộng. Tuy nhiên, còn có quá nhiều khó khăn nên chưa thể đẩy tốc độ tăng trưởng đi lên.

Hình 3: Đóng góp của các ngành vào tăng trưởng năng suất lao động bình quân các nước đang phát triển
(Đơn vị: điểm %)



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu WDI

Xem xét đóng góp của các ngành vào tăng trưởng, ta thấy: Năm 2001, các nước tăng trưởng thấp có sự suy giảm về tăng trưởng năng suất lao động bình quân (-0,76%) chủ yếu do sự trì trệ của ngành công nghiệp (-0,918 điểm %). Ngành dịch vụ là ngành duy nhất đóng góp cho tăng trưởng thông qua hiệu ứng cơ cấu nhưng đóng góp rất nhỏ (0,174 điểm %), không đủ để tạo động lực tăng trưởng. Năm 2010, tốc độ tăng trưởng có phần khởi sắc đạt 0,374%, do đóng góp của ngành công nghiệp (0,632 điểm %) và dịch vụ (0,431 điểm %). Hai ngành này đóng góp chủ yếu do chuyển dịch cơ cấu. Năm 2019, có sự sụt giảm năng suất lao động bình quân. Tăng trưởng năng suất lao động còn -1,704%. Sự sụt giảm này do đóng góp ngành dịch vụ (-0,969 điểm %), ngành công nghiệp (-0,533 điểm %) và ngành nông nghiệp (-0,203 điểm %). Nhìn chung các nước không đạt được tăng trưởng năng suất lao động tổng hợp do ngành dịch vụ và công nghiệp không phát huy được vai trò. năng suất lao động nông nghiệp cũng giảm trong 3 năm.

Với nước tăng trưởng cao: Năm 2001, tăng trưởng trung bình đạt 5,9% với 2,213 điểm % đóng góp ngành dịch vụ, 2,098 điểm % ngành công nghiệp và 1,589 điểm % ngành nông nghiệp. Với cả ba ngành, hiệu ứng nội ngành là động lực chủ yếu. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu vẫn có vai trò nhất định trong ngành dịch vụ và công nghiệp. Năm 2010, tăng trưởng trung bình các nước đạt 4,906% với đóng góp ngành dịch vụ ngày càng tăng đạt 3,177 điểm %, đóng góp ngành công nghiệp giảm còn 1,74 điểm %. Hai ngành này đóng góp chủ yếu qua hiệu ứng nội ngành và một phần do chuyển dịch cơ cấu. Ngành nông nghiệp gần như chững lại. Năm 2019, tốc độ tăng trưởng trung bình là 3,329% và đóng góp chủ yếu do ngành dịch vụ (2,451 điểm %), ngành công nghiệp (0,779 điểm %). Hai ngành đóng góp chính thông qua hiệu ứng cơ cấu. Kết quả này khẳng định vai trò không thể thiếu của chuyển dịch cơ cấu đối với tăng trưởng năng suất lao động ở nhóm nước này. Nông nghiệp đóng góp không đáng kể. Điểm khác biệt ở nhóm này, hiệu ứng tương tác ngành dịch vụ ba năm đều dương, cho thấy ngành dịch vụ tăng được cả năng suất lao động và tỷ trọng lao động. Như vậy, tăng trưởng của các nước tăng trưởng cao được tạo ra chủ yếu là do đóng góp ngành dịch vụ, rồi đến công nghiệp. Ngành nông nghiệp đóng góp không đáng kể. Hai ngành dịch vụ và công nghiệp đóng góp chủ yếu qua hiệu ứng nội ngành. Tuy nhiên, hiệu ứng cơ cấu vẫn có vai trò giúp ổn định cho tăng trưởng.

5. Kết luận và gợi ý chính sách

Kết quả phân tích mô tả và phân rã tăng trưởng năng suất lao động đã chỉ ra một số đặc điểm quan trọng về thực trạng tăng trưởng năng suất lao động của các nước đang phát triển giai đoạn từ 2000- 2019. Theo

đó, một số hàm ý chính sách được đề xuất:

Thứ nhất, cơ cấu lao động các nhóm nước đang thay đổi tích cực từ nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp sang dịch vụ - nông nghiệp - công nghiệp. Xu hướng chung của các nước đang phát triển là dịch chuyển lao động từ khu vực năng suất thấp sang khu vực năng suất cao. Tuy nhiên, ở các nước tăng trưởng cao, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm nhiều hơn và chuyển dịch mạnh mẽ sang ngành dịch vụ và một phần sang công nghiệp. Ngược lại, nhóm nước tăng trưởng thấp thì tỷ trọng lao động công nghiệp gần như không đổi trong 20 năm. Chiến lược phát triển kinh tế các nước cần chú trọng hoạt động giáo dục, đào tạo để nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người lao động, giúp họ thích nghi và đáp ứng yêu cầu của ngành mới có năng suất cao. Ngành nông nghiệp cần được đầu tư công nghệ và cơ sở hạ tầng để nâng cao năng suất khi số lượng lao động ngày càng giảm. Các nước cần xây dựng và phát triển các khu công nghiệp để tạo việc làm. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn, công nghệ, thị trường và thúc đẩy đầu tư nước ngoài cũng là cách để mở rộng phát triển ngành dịch vụ và công nghiệp.

Thứ hai, công nghiệp luôn là ngành có năng suất lao động cao nhất, tiếp đến là dịch vụ và cuối cùng là nông nghiệp. Các nước tăng trưởng cao thì năng suất ba ngành đều tăng cao. Nhóm nước suy giảm năng suất lao động chung thì sự suy giảm tập trung nhiều nhất ở ngành công nghiệp, rồi dịch vụ. Nông nghiệp có dấu hiệu tích cực về năng suất nhưng rất mờ nhạt. Các nước có thể tăng tốc ngành nông nghiệp để làm bàn đạp tăng trưởng ban đầu. Đồng thời, cần xây dựng lộ trình tăng năng suất lao động ngành công nghiệp và dịch vụ một cách hợp lý. Hiện đại hóa và tổ chức sản xuất tiên tiến có thể là chìa khóa nâng cao năng suất lao động nội ngành ở các nước đang phát triển.

Thứ ba, nguồn tăng trưởng năng suất của các nước là khác nhau. Mức độ đóng góp của hiệu ứng nội ngành và hiệu ứng cơ cấu có sự khác biệt. Ở nước tăng trưởng cao, hiệu ứng nội ngành giữ vai trò nòng cốt. Hiệu ứng cơ cấu có vai trò nhất định, là bộ đỡ của tăng trưởng. Với nước tăng trưởng thấp, chuyển dịch cơ cấu là động lực chính. Tuy nhiên, đóng góp quá nhỏ, không bù đắp được sự suy giảm mạnh mẽ của năng suất lao động nội ngành. Để phát huy vai trò yếu tố nội ngành, ứng dụng công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý, hiện đại hóa tổ chức sản xuất là biện pháp quan trọng. Đồng thời, tạo chênh lệch năng suất các ngành cũng là động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng. Việc dịch chuyển lao động giữa các ngành đòi hỏi phối hợp chặt chẽ của chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Các chính sách và hoạt động hỗ trợ chuyển đổi lao động cần được thực hiện toàn diện và liên tục để đảm bảo thành công của quá trình này.

Thứ 4, với nhóm nước tăng trưởng cao, tăng trưởng chủ yếu là do đóng góp của ngành dịch vụ, rồi đến công nghiệp. Ngành nông nghiệp đóng góp tương đối thấp. Ngành dịch vụ và công nghiệp đóng góp chủ yếu qua hiệu ứng nội ngành nhưng cũng không thể phủ nhận vai trò của chuyển dịch cơ cấu. Ngược lại, với nước tăng trưởng chậm thì ngành dịch vụ và công nghiệp không phát huy được vai trò chủ đạo. Với xu hướng thế giới, ngành dịch vụ và công nghiệp đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Chính phủ cần có chính sách phù hợp để tận dụng tối đa tiềm năng hai ngành này. Trong chiến lược phát triển dài hạn, các nước cần chú trọng nâng cao năng suất lao động, đặc biệt sử dụng công nghệ mới có hàm lượng tri thức cao để tạo động lực tăng trưởng bền bỉ cho nền kinh tế và tạo đà tăng năng suất.

Tài liệu tham khảo

- Ark, B. V. (1995), 'Sectoral growth accounting and structural change in postwar Europe', *Research Memorandum*, No. GD-23.
- Asian Productivity Organization [APO] (2023), *How LMICs could increase productivity: A policy study on structure change and productivity growth patterns*, Institute of Economic Growth.
- Aubert, J. E. (2018), 'Rwanda's innovation challenges and policies—lessons for Africa', *Journal of Intellectual Capital*, 19(3), 550-561.
- Barff, R. A., & Knight, P. L. III (1988), 'Dynamic shift-share analysis', *Growth and change*, 19(2), 1-10.
- Dobrzanski, P. (2019), 'Productivity performance of the Czech Republic-Shift-Share Analysis', In The 13th International

- Domar, E. D. (1946), 'Capital expansion, rate of growth, and employment', *Econometrica, Journal of the Econometric Society*, 14, 137-147.
- Esteban-Marquillas, J. M. (1972), 'I. A reinterpretation of shift-share analysis', *Regional and urban economics*, 2(3), 249-255.
- Fabricant, S. (1942), 'Manufacturing in the national economy. In Employment in Manufacturing, 1899-1939: An Analysis of Its Relation to the Volume of Production', *National Bureau of Economic Research*, 153-168.
- Fei, J. C., & Ranis, G. (1964), *Development of the labor surplus economy: Theory and policy*, Economic Growth Center.
- Harrod, R. F. (1939), 'An essay in dynamic theory', *The economic journal*, 49(193), 14-33.
- Huỳnh Ngọc Chương (2016), 'Tăng trưởng năng suất lao động Việt Nam: Tiếp cận từ phân tích tăng trưởng – chia sẻ', *Tạp chí phát triển khoa học & công nghệ*, 19, Mo Q3- 2016.
- ILO [International Labour Organization] (2014), *Key Indicators of The Labour Market 8th Edition*.
- ILO [International Labour Organization] (2022), *Nâng cao năng suất – Hướng dẫn dành cho các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và doanh nghiệp*, Văn phòng Giới sử dụng Lao động (ACT/EMP).
- Isaksson, A. (2010), *Structural change and productivity growth: a review with implications for developing countries*, United Nations Industrial Development Organization.
- Kuznets, S. (1930), 'Static and dynamic economics', *The American Economic Review*, 20(3), 426-441.
- Lewis, W.A.(1954), 'Economic Development with Unlimited Supplies of Labour', *Manchester School of Economic and Social Studies*, 22, 131-191.
- Lucas Jr, R. E. (1988), 'On the mechanics of economic development', *Journal of monetary economics*, 22(1), 3-42.
- McMillan, M., Rodrik, D., & Verduzco-Gallo, Í. (2014), 'Globalization, structural change, and productivity growth, with an update on Africa', *World development*, 63, 11-32.
- Nazara, S., & Hewings, G. J. (2004), 'Spatial structure and taxonomy of decomposition in shift-share analysis', *Growth and change*, 35(4), 476-490.
- North, D. C. (1990), *Institutions, institutional change and economic performance*, Cambridge University.
- Ricardo D.(1817), *Principles of Political Economy and Taxation*, Dent, London
- Romer, P. M. (1990), 'Endogenous technological change', *Journal of political Economy*, 98(5, Part 2), S71-S102.
- Smith, A. (1776), *An inquiry into the nature and causes of the wealth of nations: Volume One*, London
- Solow, Robert M.(1956), 'A Contribution to the Theory Economic Growth', *Quarterly Journal of Economics*, 70, 65-94.
- Trần Thị Thu Huyền (2021), *Nghiên cứu ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến tăng trưởng năng suất lao động xã hội ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- Vũ Hoàng Ngân, Nguyễn Thị Cẩm Vân, Hoàng Thị Huệ & Phạm Ngọc Toàn (2017), 'Nguồn tăng trưởng năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 1996 – 2016', *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 87-104.
- Vũ Thị Thu Hương (2017), 'Chuyển dịch cơ cấu lao động tại Việt Nam: Các yếu tố tác động và vai trò đối với tăng trưởng kinh tế', Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

***Tác giả liên hệ: Bùi Thùy Linh | Email: thuylinhvc2@yahoo.com**